TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 50

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thập phân gồm 91 đơn vị, 8 phần mười, 7 phần trăm và 5 phần nghìn viết là:

A. 91,0875 **B.** 910,875 **C.** 91,8075 **D.** 91,875

Câu 2. Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 3,099 **B.** 3 **C.** 3,19 **D.** 3,09

Câu 3. 27,588 × 100 = ……

A. 2,7588 **B.** 275,88 **C.** 2758,8 **D.** 27 588

Câu 4. Kết quả của phép tính 12/7 × 1/4 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 6/7 **B.** 48/7 **C.** 3/7 **D.** 12/11

Câu 5. 4 ha = …… m²

A. 400 **B.** 400 000 **C.** 40 000 **D.** 4000

Câu 6. Hình tròn có bán kính 3 cm. Chu vi hình tròn là:

A. 28,26 cm **B.** 18,84 cm **C.** 9,42 cm **D.** 37,68 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 2,9; 2,2; 2,822; 2,276; 2,375.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 10,03 …… 10,13

b) 5,1 …… 5,10

c) 8 tấn 5 kg …… 8,5 tấn

d) 5 ha …… 500 000 m²

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 376,61 + 29,2 = ……

b) 194,7 − 30,23 = ……

c) 13,1 × 1,8 = ……

d) 7,44 : 0,8 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 9 cm = …… m

b) 8 kg 54 g = …… kg

c) 9 km² = …… ha

d) 7600 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 65 m, đáy bé DC = 18 m, chiều cao 20 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

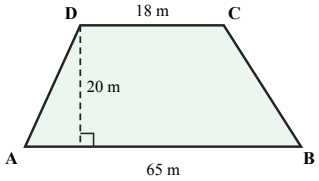

a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 4 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,3 m vải. Giá mỗi mét vải là 95 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 50

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	C	C	C	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 2,2 < 2,276 < 2,375 < 2,822 < 2,9

a) 2,2

b) 2,9

c) 2,375

d) 2,9 + 2,2 = 5,1

Bài 2.

a) 10,03 < 10,13

b) 5,1 = 5,10

c) 8 tấn 5 kg < 8,5 tấn

d) 5 ha < 500 000 m²

Bài 3.

a) 376,61 + 29,2 = 405,81

b) 194,7 − 30,23 = 164,47

c) 13,1 × 1,8 = 23,58

d) 7,44 : 0,8 = 9,3

Bài 4.

a) 2,09

b) 8,054

c) 900

d) 0,76

Bài 5.

Diện tích: (65 + 18) × 20 : 2 = 830 (m²)

Số thóc: 830 × 1,2 = 996 (kg)

Bài 6.

Số vải: 4,3 × 4 = 17,2 (m)

Số tiền: 95 000 × 17,2 = 1 634 000 (đồng)